

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng.

- Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên tham gia phiên
tòa:** Bà neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số:
336/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân
gia đình, ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐST-HNGĐ
ngày 19 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên Tòa số: 10/2024/QĐST-
HNGĐ ngày 12/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Neàng **Thi Sa M**, sinh năm 1982;

Nơi thường trú: **Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.**

- Bị đơn: Anh **Lâm Văn V**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: **Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.**

(*Chị **M** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **V** vắng mặt lần 2 không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn đệ ngày 16/10/2023, bản tự khai trong quá trình
giải quyết vụ án nguyên đơn chị **N Thi Sa M** trình bày:

Chị và anh **Lâm Văn V** quen biết tự tìm hiểu, được sự đồng ý hai bên gia
đình có tổ chức đám cưới vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã A, thị xã T, An Giang vào ngày 03/8/2016. Thời gian đầu chung sống vợ, chồng hạnh phúc, khoảng tháng 2/2022 chị và anh V xảy ra mâu thuẫn cãi vã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh V không có gặp nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung tên Neàng Phi N1, sinh ngày 19/01/2017 hiện chị đang nuôi dạy, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn: Anh Lâm Văn V, anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập anh V đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán đề án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử; thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng nhiệm vụ.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Chị M được tiếp tục nuôi dạy con tên Neàng Phi N1, sinh ngày 19/01/2017, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị **M** và anh **V** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị **M** khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh **Lâm Văn V** là bị đơn, hộ khẩu thường trú: **Tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, An Giang**. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị **Neàng Thi Sa M1** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh **Lâm Văn V** quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh **V**. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh **V** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị **Neàng Thi Sa M1** cho rằng khoảng năm 2016 chị và anh **V** được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A, thị xã T, An Giang**; theo giấy chứng nhận kết hôn số: 79/2016 ngày 03/8/2016. Tại thời điểm kết hôn chị **M1** và anh **V** đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị **M1** cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng tháng 02/2022 thì chị và anh **V** phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như trong hòa giải, công bố chứng cứ Tòa án cũng đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, tuy nhiên chị **M1** cương quyết giữ nguyên yêu cầu là ly hôn với anh **V**, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **M1** được ly hôn với anh **V** là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị **M1** và anh **V** có 01 con chung tên **Neàng Phi N1**, sinh ngày 19/01/2017 hiện chị **M1** đang nuôi dạy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh **V** phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu **N1** cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là **M1**, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường nên giao cháu **N1** cho chị **M1** được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **M1** không yêu cầu anh **V** phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị **M1** xác nhận chị và anh **V** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **M1** khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **Neàng Thi Sa M1** đối với anh **Lâm Văn V**.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Neàng Thi Sa M1** được ly hôn với anh **Lâm Văn V**.

2. *Về con chung:* Chị **M1** được trực tiếp nuôi con tên **Neàng Phi N1**, sinh ngày 19/01/2017, anh **V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị **M1** chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009411 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND thị xã Tịnh Biên;
- THA.DS thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh